

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

Bản án số: 21/2020/HNGĐ-ST

Ngày 22 tháng 5 năm 2020

V/v ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU,
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Văn Trường

Ông Nguyễn Văn Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Lan Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 113/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2020 về việc “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Số 532/23 đường T, Phường D, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Trần Văn T, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Số 532/23 đường T, Phường D, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa nguyên đơn Bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà và ông Trần Văn T có thời gian tìm hiểu khoảng gần 01 năm thì tổ chức đám cưới và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện P, tỉnh Bình Định vào năm 1993. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến giữa năm 2014 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình, quan điểm sống trái ngược nên vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong các công việc của gia đình. Ngoài ra, do công việc của bà là giúp việc nhà, phụ bán cà phê nên thường xuyên vắng nhà, hay đi làm về khuya có lúc 10 đến 11 giờ đêm mới về, thỉnh thoảng có ở lại qua đêm tại nơi làm việc. Vì vậy, ông T nghi

ngờ bà có người khác nên hay ghen tuông vô cớ và có những lời nói xúc phạm đến danh dự của bà. Sự việc này diễn ra rất thường xuyên khiến cho vợ chồng lúc nào cũng gây gỗ, cãi vã. Hai vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện với nhau để hòa giải những mâu thuẫn và hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Từ đầu tháng 2 đến nay bà đã dọn ra ngoài sống và vợ chồng ly thân với nhau từ đó đến nay. Nay, bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn T.

Về con chung: Bà và ông T có 02 con chung là Trần Văn S, sinh năm 1998 và Trần Thanh T, sinh năm 2000. Do cháu S và cháu T đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Trần Văn T trình bày:

Ông xác định về điều kiện kết hôn, quá trình chung sống cũng như những mâu thuẫn của vợ chồng đúng như bà T đã trình bày. Tuy nhiên theo ông đến đầu năm 2019 thì vợ chồng mới phát sinh mâu thuẫn. Ông xác nhận vì nghi ngờ bà T có người khác nên ông có thái độ ghen tuông vô cớ và có những lời nói xúc phạm đến danh dự của bà T. Từ đầu tháng 2, bà T tự dọn ra ngoài ở và vợ chồng sống ly thân với nhau từ đó đến nay. Trong thời gian sống ly thân ông đã cố gắng để khuyên nhủ và thuyết phục bà T về nhà nhưng bà T không chấp nhận. Nay, ông xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên bà T yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý. Ông đề nghị tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ với nhau.

Về con chung: Ông và bà T có 02 con chung là Trần Văn S, sinh năm 1998 và Trần Thanh T, sinh năm 2000. Do cháu S và cháu T đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị T yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn T có địa chỉ cư trú tại thành phố Vũng Tàu. Căn cứ Điều 28; Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là vụ án “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

Bị đơn ông Trần Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách

quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T là phù hợp quy định pháp luật.

[2]. Về nội dung:

Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Văn T tự nguyện tìm hiểu, chung sống có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét về tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông T thì thấy: Theo bà T thì nguyên nhân mâu thuẫn là do do tính tình, quan điểm sống trái ngược nên vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong các công việc của gia đình. Ngoài ra, do tính chất công việc nên bà T thường xuyên vắng nhà, hay đi làm về khuya, thỉnh thoảng có ở lại qua đêm tại nơi làm việc. Vì vậy, ông T nghi ngờ bà T có người khác nên hay ghen tuông vô cớ và có những lời nói xúc phạm đến danh dự của bà T. Sự việc này diễn ra rất thường xuyên khiến cho vợ chồng lúc nào cũng gây gổ, cãi vã. Hai vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. bà T và ông T đã sống ly thân từ đầu tháng 2 đến nay.

Theo xác minh tại địa phương thì trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng bà T và ông T sống hạnh phúc. Tuy nhiên, khoảng mấy năm gần đây giữa hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã do ông T ghen tuông, nghi ngờ bà T có mối quan hệ khác.

Ông T trình bày ông không đồng ý ly hôn vì xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, ông đề nghị tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ với nhau. Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông T và bà T đến Tòa làm việc để có thể tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng ông T không đến Tòa làm việc. Tại phiên tòa ông T vắng mặt lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Điều đó thể hiện ông T đã không thực sự có ý thức hàn gắn tình cảm vợ chồng và duy trì quan hệ hôn nhân với bà T.

Tại phiên tòa, bà T xác định không còn tình nghĩa vợ chồng đối với ông T, từ đầu tháng 2 đến nay vợ chồng đã sống ly thân với nhau. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không còn sự quan tâm, chăm sóc đến nhau.

Xét thấy, mâu thuẫn xảy ra trong quan hệ vợ chồng giữa bà T và ông T là có thật, vợ chồng cũng nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, không có khả năng hàn gắn tình cảm. Do vậy, mâu thuẫn hôn nhân là trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T là phù hợp.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Văn T có 02 con chung là Trần Văn S, sinh năm 1998 và Trần Thanh T, sinh năm 2000. Do các cháu đã trưởng thành nên Bà T, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí Dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 19; Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình ; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với ông Trần Văn T.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T ly hôn với ông Trần Văn T.

2. Về con chung: Bà T và ông T có 02 (hai) con chung là Trần Văn S, sinh năm 1998 và Trần Thanh T, sinh năm 2000. Cháu S và cháu T đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí Dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000014 ngày 19-02-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Tp. Vũng Tàu;
- TAND tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu;
- Chi cục THADS Tp. Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- UBND xã Cát Hải, h. Phù Cát, tỉnh Bình Định;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Hương

